

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 138/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23-9-2020

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Anh Thực;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Lê Thị Vân;

- Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Minh Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 411/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2020/QĐXX-ST ngày 14 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Trần Văn B**, sinh năm 1966; cư trú tại: Ấp M, xã LT, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Kim N**, sinh năm 1973; cư trú tại: Ấp M, xã LT, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Xin vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn, ông Trần Văn B trình bày:* Ông và bà Nguyễn Thị Kim N về chung sống vợ chồng với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1991, nhưng không có đăng ký kết hôn. Hai bên sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cự cãi nhau. Từ đó, giữa ông và bà N không còn tình cảm, hiện bà N đã bỏ nhà đi đã 03 tháng. Vì vậy, nay ông yêu cầu được ly hôn với bà N.

Về con chung: Ông và bà N có 02 con chung là chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1994 và Trần Thị Ngọc H1, sinh năm 2001, hiện hai con đã thành niên nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có; về tài sản chung: Để hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn, bà Nguyễn Thị Kim N trình bày:* Bà thống nhất lời trình bày của ông B về thời điểm chung sống, không có đăng ký kết hôn và con chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do ông B thường xuyên đi nhậu, lại còn mắng chửi, xúc phạm bà nhiều lần. Hai bên đã hòa giải, hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Ông B đuổi bà ra khỏi nhà nên bà đã bỏ đi ra ngoài thuê nhà trọ sinh sống nhưng ông B cũng tìm đến nhà trọ để mắng chửi, có đêm đến 07-08 lần. Nay bà không còn tình cảm gì với ông B nên đồng ý ly hôn.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N thống nhất không yêu cầu giải quyết, nếu sau này có phát sinh sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị Kim N tranh chấp về ly hôn; bà N có địa chỉ cư trú tại ấp M, xã LT, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

[2] Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bà N, ông B.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị Kim N thì hai người bắt đầu chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 1991, không có đăng ký kết hôn. Cho đến ngày 31-8-2020 thì ông B, bà N không có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã LT, huyện C, tỉnh Tiền Giang xác nhận. Trường hợp chung sống như vợ chồng giữa ông B, bà N không thuộc trường hợp hôn nhân thực tế theo quy định của pháp luật. Do đó, hôn nhân giữa ông B, bà N chưa được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên nay ông B, bà N yêu cầu ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy cần không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các đương sự.

[4] Về con chung: Giữa ông B và bà N có 02 con chung là chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1994 và Trần Thị Ngọc H1, sinh năm 2001. Hai con đã thành niên nên ông B, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông B và bà N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, nếu có phát sinh tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Ông Trần Văn B là nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị Kim N.

2. Về án phí: Ông Trần Văn B phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào số tiền đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005781 ngày 04-9-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên xem như đã thi hành xong.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã LT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**Nguyễn Anh Thực**